

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **318/2022/HS-ST**

Ngày: 26/7/2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hải Thị Liễu

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phan Anh Dũng – Cán bộ hưu trí

- Ông Nguyễn Thái Hòa – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Minh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Đặng Xuân Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 171/2022/TLST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 271/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 151/TB-TA ngày 11/7/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Chí T**, sinh năm 1999 tại tỉnh Cà Mau;

Thường trú: Ấp V, xã P, huyện T, tỉnh M; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn K và bà Võ Thị C; vợ con: không có; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt ngày 20/11/2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an thành phố Biên Hòa.

- Bị hại: Công ty tài chính TNHH MTV C

Địa chỉ: Tầng G, 8 và 10, Tòa nhà N, số 20 Nguyễn Đăng G, phường Đ, Quận 2, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân M, sinh năm 1977

Địa chỉ liên hệ: Tầng G, 8 và 10, Tòa nhà N, số 20 Nguyễn Đăng G, phường Đ, Quận 2, thành phố H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993

Thường trú: Ấp K10, xã H, huyện N, tỉnh T;

Chỗ ở hiện nay: F10/2D, ấp 6, Lê Minh Xuân, huyện Ch, thành phố H

+ Ông Trương Văn K, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện T, tỉnh C.

+ Tổng Công ty bưu điện V

Địa chỉ: Số 5 Phạm Hùng, phường M2, quận L, thành phố N;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Chu Quang H – Chức vụ: Giám đốc.

Ông H ủy quyền cho ông Nguyễn Như Th – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh bưu điện tỉnh Đồng Nai.

Ông Th ủy quyền lại cho bà Nguyễn Huệ L, sinh năm 1982 – Chức vụ: Giám đốc bưu điện thành phố B.

Địa chỉ: Số 33 đường Nguyễn Ái Quốc, phường Q, thành phố B, tỉnh Đ.

+ Bưu cục khu công nghiệp B, tỉnh Đ

Địa chỉ: 27 đường 2A, khu công nghiệp B II, phường A, thành phố B, tỉnh Đ.

Người đại diện là bà Huỳnh Kim H1, sinh năm 1976 – Chức vụ: trưởng bưu cục Khu công nghiệp B.

(Bị cáo, đại diện bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đ, chị L, chị H1 có mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 25/8/2019, Trương Chí T đi đến quán cà phê không tên tại tổ 8, ấp Hội Thạnh, xã Tr, huyện c, thành phố h do anh Võ Văn T1, sinh năm 1974, cùng trú tại địa chỉ trên làm chủ để uống nước. Tại đây, T nhặt được 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia của anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993, thường trú: Ấp K10, xã P, huyện N, tỉnh Đ. Qua xem tin nhắn trong điện thoại nhặt được, T thấy có tin nhắn của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên C gửi thông báo cho chủ thuê bao là đủ điều kiện vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), nên T nảy sinh ý định giả danh chủ thuê bao để vay và chiếm đoạt số tiền này.

T sử dụng điện thoại nhặt được nhắn tin cho tổng đài 1414 và biết được thông tin của chủ thuê bao tên là Nguyễn Văn Đ cùng số chứng minh nhân dân và ngày tháng năm sinh của anh Đ. T giả danh anh Đ gọi điện thoại liên hệ, ký hợp đồng (hợp đồng điện tử) với Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên C vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và được đồng ý. Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên C đã cung cấp mã số hợp đồng và yêu cầu T cầm Giấy chứng minh nhân dân đến Bưu điện bất kì để nhận tiền. Sau đó, T lên mạng xã hội facebook tìm kiếm và thuê 01 (một) nam thanh niên (không xác định được nhân thân, lai lịch) làm giả Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn Đ, cùng thông tin ngày tháng năm sinh, số chứng minh nhân dân của anh Đ, có dán ảnh của T với giá 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng).

Đến ngày 31/8/2019, T nhận được điện thoại của người nhận làm giả giấy chứng minh nhân dân liên lạc qua số thuê bao của anh Đ, hẹn T ra Khu công nghiệp Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai để nhận giấy chứng minh nhân dân T đã đặt làm. Khi nhận được giấy chứng minh nhân dân, T đi đến Bưu điện Khu công nghiệp Biên Hòa thuộc phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai sử dụng mã số hợp đồng vay tiền được cung cấp trước đó, Giấy chứng minh nhân dân giả và giả danh anh Đ ký giả chữ ký ghi họ tên Nguyễn Văn Đ để làm thủ tục nhận số

tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Sau khi nhận được số tiền này, T tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 24/6/2020, Công ty tài chính TNHH Một thành viên C phát hiện hành vi của T và làm đơn tố cáo. Ngày 04 tháng 5 năm 2021, Trương Chí T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai khởi tố về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự và truy nã T. Đến ngày 20 tháng 11 năm 2021 T bị bắt giữ xử lý theo quy định. Tại cơ quan điều tra, T đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung nêu trên.

Tại Bản kết luận giám định số: 724/KLGD-PC09 ngày 16/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận:

1. Chữ viết trên Thông tin nộp hoặc nhận tiền nêu ở phần mẫu cần giám định (kí hiệu A1) so với chữ viết trên Bản tự khai (Ký hiệu M1) và ở mục Người có liên quan trên biên bản làm việc nêu ở phần mẫu so sánh (Ký hiệu M1) do cùng một người viết ra.

2. Không đủ cơ sở để kết luận chữ ký không ghi họ tên và chữ ký mang tên Nguyễn Văn Đ trên các tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (kí hiệu A1, A2) so với chữ ký mang tên Trương Chí T trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (kí hiệu M1, M2) có phải do cùng một người ký ra không.

3. Chữ ký không ghi họ tên và chữ ký mang tên Nguyễn Văn Đ trên các tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (kí hiệu A1, A2) so với chữ ký mang tên Nguyễn Văn Đ trên Biên bản làm việc nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M1) do cùng một người ký ra.

4. Chữ viết mang tên Nguyễn Văn Đ ở phần dưới chữ ký trên giấy nhận tiền nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ viết mang tên Nguyễn Văn Đ ở phần dưới chữ ký trên Biên bản làm việc nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M1) do cùng một người viết ra.

Tại Bản kết luận giám định số: 830/KLGD-PC09 ngày 29/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Văn Đ trên các tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với chữ ký, chữ viết trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M8) không phải do cùng một người ký và viết ra.

Về vật chứng vụ án gồm: 01 Giấy chứng minh nhân dân giả mang tên Nguyễn Văn Đ; 01 điện thoại di động hiệu Nokia không rõ số imei T nhặt được của anh Đ. Quá trình điều tra vụ án, T khai nhận đã vứt đi, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không thu giữ được.

Về dân sự: Trương Chí T đã tự nguyện bồi thường cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên C 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Anh Lê Xuân M người đại diện theo uỷ quyền của công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên C tiếp tục yêu cầu bồi thường 41.212.940 đồng (Bốn mươi một triệu, hai trăm mười hai nghìn, chín trăm bốn mươi đồng) tiền lãi.

Tại bản Cáo trạng số 197/CT-VKSBH ngày 18/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Trương Chí T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trương Chí T về tội về tội

“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Do đó đề nghị: áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Trương Chí T từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu số tiền lãi 41.212.940 đồng, đề nghị Hội đồng xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Không thu giữ được nên không xem xét.

Đại diện Tổng công ty bưu điện V và bưu cục khu công nghiệp B không có yêu cầu gì về phân trách nhiệm dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra bị cáo Trương Chí T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai trong biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Do đó, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ ngày 25/8/2019, Trương Chí T nhận được 01 điện thoại của anh Nguyễn Văn Đ, qua nội dung tin nhắn trong điện thoại của anh Đ, T biết được của Công ty tài chính TNHH một thành viên C thông báo chủ thuê bao đủ điều kiện vay số tiền 50.000.000đ. Đồng thời, thông qua tổng đài 1414, T đã biết được thông tin số chứng minh nhân dân và ngày sinh của anh Đ nên đã liên hệ với Công ty tài chính ký hợp đồng điện tử vay số tiền trên và được đồng ý. T đã liên hệ với 01 đối tượng làm giả giấy tờ và trả chi phí 900.000đ để làm giả chứng minh nhân dân mang tên anh Đ. Đến ngày 31/8/2019, T đi đến Bưu điện Khu công nghiệp B thuộc phường A, thành phố B, tỉnh Đ sử dụng mã số hợp đồng vay tiền được cung cấp trước đó, Giấy chứng minh nhân dân giả và thông tin cá nhân anh Đ ký giả chữ ký ghi họ tên Nguyễn Văn Đ để làm thủ tục nhận số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Từ căn cứ trên, xác định Trương Chí T đã có hành vi gian dối, sử dụng thông tin cá nhân của người khác và sự thiếu chặt chẽ trong việc giám sát hồ sơ vay của Công ty tài chính để chiếm đoạt số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Hành vi của bị cáo Trương Chí T đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo có căn cứ pháp luật.

[3] Về các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- Xét tính chất mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; trực tiếp xâm phạm quyền tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang và mất trật tự trị an tại địa phương. Bản thân các bị cáo là người đã trưởng thành ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Do đó, cần áp dụng mức án phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả trả cho bị hại số tiền chiếm đoạt là 50.000.000đ; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân bị cáo chưa tiền án, tiền sự là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần mức hình phạt cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình trả lại cho Công ty tài chính TNHH một thành viên C số tiền đã chiếm đoạt là 50.000.000đ. Tại phiên tòa, đại diện Công ty tài chính yêu cầu bị cáo trả tiền lãi, lãi phạt và phí thu hộ phát sinh từ thời điểm bị cáo chiếm đoạt số tiền nói trên đến khi hành vi phạm tội của bị cáo bị phát hiện với số tiền là 41.212.940đ (bốn mươi một triệu hai trăm mười hai ngàn chín trăm bốn mươi đồng). Tuy nhiên, xét bị cáo chỉ chiếm đoạt số tiền 50.000.000đ, bị cáo ký hợp đồng vay tiền với công ty tài chính xuất phát từ hành vi gian dối, vi phạm pháp luật nên chỉ xem xét buộc bị cáo bồi thường số tiền chiếm đoạt. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường số tiền 50.000.000đ do bị cáo chiếm đoạt. Do đó, không chấp nhận yêu cầu về khoản tiền lãi, lãi phạt và phí thu hộ của đại diện Công ty tài chính TNHH một thành viên C.

Đại diện Tổng công ty bưu điện V và bưu cục khu công nghiệp B không có yêu cầu gì về phần trách nhiệm dân sự nên không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 Giấy chứng minh nhân dân giả mang tên Nguyễn Văn Đ; 01 điện thoại di động hiệu Nokia không rõ số imei bị cáo T nhặt được của anh Đ. Quá trình điều tra vụ án, T khai nhận đã vứt đi, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không thu giữ được, do đó không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trương Chí T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử phạt:

- Bị cáo Trương Chí T: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/11/2021.

3. Về án phí:

Buộc bị cáo Trương Chí T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Bị cáo Trương Chí T, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đ, Tổng công ty bưu điện V, bưu cục khu công nghiệp B được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn K vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Thi hành án hình sự TP.Biên Hòa;
- Nhà tạm giữ Công an TP.Biên Hòa;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hải Thị Liễu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA